

从Chess-results的比数据中得到 <https://chess-results.com>
GIẢI VÔ ĐỊCH CỜ TƯỚNG XUẤT SẮC QUỐC GIA NĂM 2026 Cờ nhanh nam TT

最后更新22.09.2026 04:55:09

前排序表

序号	姓名	国棋ID会	国等分俱部/城市
1	Huỳnh, Hào Phát	25050117HCM	2051Tp. Hồ Chí Minh
2	Đồng, Minh Ngọc	23100110DON	2039Đồng Nai
3	Đoàn, Đức Hiền	24040021HCM	2037Tp. Hồ Chí Minh
4	Ngô, Xuân Gia Huy	24060308DON	2027Đồng Nai
5	Trần, Tiến Huy	24090001HCM	2024Tp. Hồ Chí Minh
6	Văn, Diệp Bảo Duy	24060087HCM	1911Tp. Hồ Chí Minh
7	Đinh, Hữu Pháp	24040025HCM	1899Tp. Hồ Chí Minh
8	Nguyễn, Ngọc Quân	23100112BNI	1876Bắc Ninh
9	Đinh, Xuân Đại	24090007TNG	1854Thái Nguyên
10	Nguyễn, Minh Điệp	24090077DON	1852Đồng Nai
11	Nguyễn, Anh Quỳnh	23100162HNO	1847Hà Nội
12	Đỗ, Văn Hồng	24110003BNI	1839Bắc Ninh
13	Phạm, Văn Nghĩa	25100537TNG	1830Thái Nguyên
14	Phan, Hùng Chí	25100032HCM	1824Tp. Hồ Chí Minh
15	Lê, Anh Thắng	23100059HNO	1822Hà Nội
16	Vũ, Văn Chiến	24070075TNG	1821Thái Nguyên
17	Phạm, Quốc Việt	25100524HCM	1817Tp. Hồ Chí Minh
18	Nguyễn, Nam Khánh	24060309DON	1802Đồng Nai
19	Lâm, Bình Vinh	25100226TNG	1800Thái Nguyên
20	Tạ, Công Bình	25100020DON	1799Đồng Nai
21	Bùi, Ngọc Gia Bảo	24060237BNI	1782Bắc Ninh
22	Trần, Mai Linh	24070049HNO	1776Hà Nội
23	Nguyễn, Phương Nam	24070166HNO	1775Hà Nội
24	Hoàng, Thái Cường	24120011TNG	1743Thái Nguyên
25	Nguyễn, Đình Khánh	24060236BNI	1730Bắc Ninh
26	Trần, Văn Huy	25100090TNG	1718Thái Nguyên
27	Nguyễn, Đức Hiếu	24060238BNI	1548Bắc Ninh
28	Ninh, Anh Phi	24060253BNI	1383Bắc Ninh
29	Nguyễn, Đăng Khoa	24060275QNI	1292Quảng Ninh

你找到次比所有料在 <https://chess-results.com/tnr1501837.aspx?lan=33>
国象棋比成服器: Chess-Results